



TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VSCB
32 Tân Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam
Tel: (+84) 262 3 967788; Fax: (+84) 262 3 967788
Email: vscb@vscb.org; Website: www.vscb.org



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

ISO/IEC 17065:2012
Mã số: QĐCN-NNHC
Ngày ban hành: 02/07/2020

<i>Người soạn thảo</i>	<i>Người xem xét</i>	<i>Người phê duyệt</i>
<i>Trần Thị Thu Nghĩa</i>	<i>Nguyễn Thành Lợi</i>	<i>Bạch Thanh Tuấn</i>



**QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG
NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT**

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 2/10

TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG

STT	Lần sửa	Trang sửa	Mô tả nội dung sửa đổi	Ngày sửa đổi	Ngày hiệu lực
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 3/10

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- Tài liệu này quy định nội dung và thủ tục đánh giá chứng nhận Nông nghiệp Hữu cơ lĩnh vực trồng trọt phù hợp với Bộ tiêu chuẩn TCVN 11041 do VSCB thực hiện.
- Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với sản phẩm trồng trọt được sản xuất, sơ chế, chế biến theo phương pháp hữu cơ.

II. ĐỊNH NGHĨA, TỪ VIẾT TẮT VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

1. Định nghĩa và từ viết tắt

- **VSCB:** Tổ chức chứng nhận VSCB;
- **Sản phẩm nông nghiệp/sản phẩm có nguồn gốc nông nghiệp (Agricultural product/product of agricultural origin):** Bất cứ sản phẩm hoặc hàng hóa, ở dạng nguyên liệu hay đã chế biến, được đưa ra thị trường để tiêu thụ hay làm thức ăn cho động vật (trừ nước, muối và phụ gia thực phẩm);
- **Thực phẩm hữu cơ (Organic food):** Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi hoặc thủy sản được sản xuất, sơ chế, chế biến theo phương pháp hữu cơ và đã được chứng nhận;
- **Canh tác hữu cơ (Organic farming):** Là một hình thức sản xuất nông nghiệp, trong đó không sử dụng phân bón tổng hợp hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tổng hợp hóa học, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng, hóa chất tăng trọng và các cơ chế biến đổi gen;
- **Sinh vật biến đổi gen (Genetically modified organisms-GMO):** Các sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm từ sinh vật biến đổi gen được sản xuất bằng kỹ thuật trong đó vật liệu di truyền đã được biến đổi theo cách không xảy ra một cách tự nhiên bằng giao phối và/hoặc tái tổ hợp tự nhiên;
- **Các công nghệ kỹ thuật gen/biến đổi gen (Techniques of genetic engineering/modification):** Bao gồm nhưng không giới hạn đối với việc sắp xếp lại cấu trúc ADN, dung hợp tế bào, bơm vi mô và vĩ mô, bao nang hóa, loại bỏ hoặc ghép đôi gen. Các sinh vật biến đổi gen không bao gồm các sinh vật được tạo ra từ kỹ thuật tiếp hợp, chuyển nạp và lai giống;
- **Sản phẩm bảo vệ thực vật (Plant protection product):** Bất cứ chất nào dùng để ngăn ngừa, diệt trừ, dẫn dụ, xua đuổi, hoặc kiểm soát dịch hại và dịch bệnh, bao gồm cả các loài thực vật hoặc động vật không mong muốn có trong quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, phân phối và chế biến thực phẩm, các mặt hàng nông nghiệp hoặc thức ăn chăn nuôi;
- **Sản xuất (production):** Các hoạt động tiến hành ở trang trại để cung cấp các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm cả việc đóng gói và ghi nhãn ban đầu cho sản phẩm;
- **Sản xuất thông thường (Conventional):** Là phương thức hay hệ thống sản xuất đang được áp dụng phổ biến trong sản xuất trồng trọt, không tuân thủ yêu cầu của tiêu chuẩn sản xuất trồng trọt hữu cơ;
- **Sản xuất truyền thống (Traditonal production):** Là hình thức sản xuất dựa vào kiến thức được tạo ra, gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ sau và phương thức sản xuất này thể hiện trình độ hiểu biết cao về nguồn tài nguyên địa phương cũng như điều kiện môi trường địa phương;
- **Sản xuất song song (Parallel production):** Là trạng thái một loại sản phẩm được sản xuất bằng cả phương thức sản xuất hữu cơ và phương thức sản xuất không hữu cơ. Trạng thái sản phẩm được sản xuất theo phương thức hữu cơ và sản xuất trong giai đoạn chuyển đổi cũng được hiểu là sản xuất song song;



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 4/10

- **Chuyển đổi (Conversion):** Là quá trình chuyển từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ;
- **Giai đoạn chuyển đổi (Conversion period):** Thời gian từ lúc bắt đầu áp dụng phương thức sản xuất hữu cơ đến khi sản phẩm cây trồng được chứng nhận là sản phẩm hữu cơ;
- **Đa dạng sinh học (Biodiversity):** Là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên;
- **Đa dạng sinh học đất (Soil biodiversity):** Các loài sinh vật sống tìm được trong hệ sinh thái đất, bao gồm vi sinh vật như vi khuẩn, nấm và các sinh vật sống trong đất như giun và côn trùng khác;
- **Công nghệ gen (Genetic Engineering):** Là tập hợp các công nghệ sinh học phân tử (chẳng hạn như tái tổ hợp ADN) mà nhờ đó các vật liệu gen của cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật, tế bào và các đơn vị sinh học khác được cấy ghép không bằng giao phối tự nhiên và sinh sản hoặc tái tổ hợp tự nhiên;
- **Sinh vật biến đổi gen (Genetically modified organisms):** Là sinh vật có vật liệu di truyền bị thay đổi bằng công nghệ gen;
- **Thu hái tự nhiên (Wild harvest):** Việc thu hái các sản phẩm cây trồng từ khu vực không chịu tác động của hoạt động trồng trọt hoặc quản lý nông nghiệp;
- **Khu vực có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Areas):** Những khu vực đã được xác định có giá trị nổi bật và đặc biệt quan trọng đối với môi trường, văn hóa, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học và cảnh quan (theo AROS);
- **Sơ chế (Handling):** Là việc cắt, tía, phân loại, làm sạch, đóng gói sản phẩm cây trồng sau khi thu hoạch nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm;
- **Chế biến (Processing):** Là quá trình xử lý thực phẩm đã qua sơ chế hoặc thực phẩm tươi sống để tạo thành nguyên liệu thực phẩm hoặc sản phẩm thực phẩm/ hay Việc vận chuyển, xử lý, thay đổi hình dạng hoặc đóng gói các sản phẩm hữu cơ đã sản xuất hoặc từ ngoài tự nhiên.

2. Tài liệu viện dẫn

- QTCN-NNHC: Quy trình chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ-Trồng trọt;
- TCVN 11041-1:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;
- TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ;
- TCVN 11041-5:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ;
- TCVN 11041-6:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 6: Chè hữu cơ;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm;
- TCVN 9016:2011 Rau tươi - Phương pháp lấy mẫu trên ruộng sản xuất;
- TCVN 9017:2011 Quả tươi - Phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất;
- TCVN 7538-2:2005 Chất lượng đất - Lấy mẫu - Phần 2: Hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu;



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 5/10

- TCVN 5994:1995 Chất lượng nước - Lấy mẫu - Hướng dẫn lấy mẫu ở hồ ao tự nhiên và nhân tạo;
- TCVN 6663-6:2018 (ISO 5667-6:2014) về Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 6: Hướng dẫn lấy mẫu nước sông và suối;
- TCVN 6663-11:2011 (ISO 5667-11:2009) về Chất lượng nước – Lấy mẫu- Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm;
- QCVN 03-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong đất;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;
- QCVN 15:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 08-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

III. NỘI DUNG

3.1 Phương thức đánh giá

- Phương thức 5: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

3.2 Lấy mẫu và đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm

- Lấy mẫu sản phẩm: thực hiện theo Quy định lấy mẫu đánh giá sản phẩm nông nghiệp hữu cơ-Trồng trọt (QĐLM-NNHC).
- Phòng thử nghiệm: Mẫu được phân tích tại phòng thử nghiệm đã đăng ký hoạt động thử nghiệm và được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật.
- Chỉ tiêu phân tích và mức chấp nhận: thực hiện theo Quy định lấy mẫu đánh giá sản phẩm nông nghiệp hữu cơ-Trồng trọt (QĐLM-NNHC).

3.3 Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất

3.3.1 Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật:

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập, trong đó có ngành nghề sản xuất/sơ chế sản phẩm trồng trọt;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay biên bản thỏa thuận, hợp đồng thuê đất (mặt bằng, nhà xưởng, ...) còn hiệu lực;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt.



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 6/10

3.3.2 Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất: Yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc và yêu cầu trong sản xuất và chế biến sản phẩm trồng trọt hữu cơ, trong đó cần chú ý đến các nội dung sau đây:

3.3.2.1 Nguyên tắc: Quá trình trồng trọt hữu cơ cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- ❖ Duy trì và tăng cường độ phì của đất tự nhiên, sự ổn định và tơi xốp của đất, chống xói mòn đất và giúp cây trồng hấp thụ dinh dưỡng chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất;
- ❖ Giảm thiểu việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo và các vật tư, nguyên liệu đầu vào không có nguồn gốc nông nghiệp;
- ❖ Tái chế chất thải và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật và và động vật làm nguyên liệu cho trồng trọt;
- ❖ Có tính đến cân bằng sinh thái tại khu vực sản xuất;
- ❖ Duy trì sức khỏe của cây trồng bằng các biện pháp phòng ngừa hợp lý, sử dụng biện pháp luân canh thích hợp, sử dụng phương pháp cơ học và vật lý thích hợp, bảo vệ thiên địch của sinh vật gây hại.

3.3.2.2 Các yêu cầu:

a) Đánh giá, lựa chọn vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ:

- ❖ Hệ thống sản xuất hữu cơ phải bảo đảm các điều kiện về đất canh tác và nguồn nước để sản xuất sản phẩm an toàn thực phẩm, bảo tồn và cải thiện độ phì của đất, duy trì chất lượng nước bề mặt và nước ngầm nhằm sử dụng nước một cách có trách nhiệm và hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường. Yêu cầu cụ thể một số nội dung như sau:
- ❖ **Đất canh tác:**
 - Đất canh tác trong sản xuất hữu cơ phải bảo đảm yêu cầu của QCVN 03-MT:2015/BTNMT và QCVN 15:2008/BTNMT;
 - Vùng đất canh tác không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây ô nhiễm sản phẩm như: mùi, khói, bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông vận tải, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, sinh hoạt khu dân cư, bệnh viện, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nghĩa trang, ... khoảng cách tối thiểu từ vùng sản xuất tới các nguồn có thể gây ô nhiễm là 300 mét;
 - Sản xuất hữu cơ phải bảo tồn hoặc cải tạo lý tính, các vật chất hóa học và sinh học của đất bao gồm: chất hữu cơ, độ phì và đa dạng sinh học đất;
 - Sản xuất hữu cơ làm tăng chất lượng đất bằng việc áp dụng các biện pháp quản lý canh tác trồng trọt, sử dụng kết hợp bón phân hữu cơ với các nguyên liệu có khả năng phân hủy tự nhiên khác, tận dụng khả năng cố định đạm của cây trồng;
 - Xây dựng vùng đệm trong khu vực sản xuất hữu cơ. Khoảng cách cụ thể của vùng đệm phụ thuộc vào nguồn gây ô nhiễm cần được xử lý và điều kiện khí hậu của địa phương. Chẳng hạn như: Khi khu vực sản xuất hữu cơ có nguy cơ ô nhiễm từ những nơi canh tác theo phương pháp thông thường hoặc các nguồn ô nhiễm khác thì khu vực sản xuất hữu cơ phải có vùng đệm rộng ít nhất 01 m, khoảng cách từ cây trồng sản xuất hữu cơ đến vùng đệm phải rộng ít nhất 01 m và vùng đệm phải trồng cây trồng khác với cây trồng sản xuất hữu cơ. Nếu có nguy cơ ô nhiễm từ bên ngoài do nguồn nước thì bên ngoài vùng đệm phải tạo một bờ đất hoặc rãnh thoát nước để tránh nước bẩn xâm nhiễm vào khu vực sản xuất hữu cơ.
 - Cần giữ lại trong khu vực sản xuất một số diện tích tự nhiên hoặc nhân tạo (tối thiểu 5% diện tích sản xuất hữu cơ) làm môi trường sống cho các loài động vật, thực vật khác nhau bao gồm kênh rạch, ao hồ tự nhiên, khu vực có cây mọc tự nhiên, rừng, vườn quả hỗn hợp,



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 7/10

cây trồng vùng đệm, cây ký chủ, cây xua đuổi côn trùng, cây trồng khác ngoài cây trồng sản xuất hữu cơ, ...

❖ **Nước sử dụng trong sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm trồng trọt hữu cơ:**

- Nước sử dụng trong sản xuất trồng trọt hữu cơ phải bảo đảm yêu cầu của QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 09-MT:2015/BTNMT;
- Nước sử dụng trong sơ chế, chế biến sản phẩm trồng trọt hữu cơ phải bảo đảm yêu cầu của QCVN 02:2009/BYT hoặc QCVN 01-1:2018/BYT (QCVN 02:2009/BYT được áp dụng cho đến hết ngày 30/6/2021, sau đó áp dụng QCVN 01-1:2018/BYT);
- Sử dụng nước hợp lý, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sản xuất, chống lãng phí, tránh ô nhiễm nguồn nước và giữ gìn chất lượng nước.

❖ **Yêu cầu về chuyển đổi:**

- Sản xuất hữu cơ phải có giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ để hệ sinh thái ổn định và độ phì của đất được hình thành, giảm ô nhiễm và bảo đảm các yêu cầu khác của tiêu chuẩn này;
- Thời kỳ chuyển đổi: ít nhất là 12 tháng cho đến khi gieo hạt và trồng cây đối với cây hàng năm, ít nhất 18 tháng cho đến khi thu hoạch vụ đầu tiên đối với cây lâu năm. Có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời kỳ chuyển đổi theo quy định chi tiết tại TCVN 11041-2:2017, TCVN 11041-5:2018, TCVN 11041-6:2018 cho từng loại cây trồng;
- Sản phẩm trong thời gian chuyển đổi không được coi là sản phẩm hữu cơ;
- Trường hợp không thể chuyển đổi cùng lúc thì nhà sản xuất cần chia khu vực chuyển đổi thành các phần để chuyển đổi từng phần.

b) Quản lý quá trình sản xuất trồng trọt hữu cơ:

❖ **Quản lý giống cây trồng:** Lựa chọn loài và giống cây trồng đưa vào sản xuất hữu cơ phải thích nghi với điều kiện sinh thái của địa phương, có khả năng chống chịu sâu bệnh và tính đồng nhất hữu cơ của cây trồng được duy trì trong quá trình sản xuất bằng việc đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu sau:

- Sử dụng giống cây trồng có nguồn gốc hữu cơ. Nếu không có giống có nguồn gốc hữu cơ thì được phép sử dụng giống thông thường để sản xuất ra giống hữu cơ nhưng phải đảm bảo: với cây hàng năm, sau khi được canh tác theo hệ thống sản xuất hữu cơ ít nhất một thế hệ (tự nhân giống). Đối với cây lâu năm, sau khi được canh tác theo hệ thống sản xuất hữu cơ ít nhất 2 vụ thu hoạch;
- Khuyến khích việc duy trì tính nguyên bản về di truyền của giống cây trồng cũng như các đặc điểm sinh thái sẵn có của giống như sử dụng các giống cây trồng bản địa. Tuyệt đối không sử dụng hạt giống và vật liệu nhân giống từ cây trồng biến đổi gen;
- Việc sử dụng hạt giống và vật liệu sinh sản vô tính phải được lấy từ cây trồng phù hợp, phải đảm bảo ít nhất đã trải qua một thế hệ hoặc ít nhất một vụ trồng đối với cây lâu năm;
- Trường hợp không thể có vật liệu sinh sản vô tính đáp ứng yêu cầu, việc sử dụng vật liệu khác thay thế có thể được chấp nhận, nhưng phải đảm bảo:
 - + Dùng hạt giống hoặc vật liệu sinh sản vô tính chưa xử lý;
 - + Nếu không có sẵn, dùng hạt giống và vật liệu sinh sản vô tính đã được xử lý với các chất được nêu trong Bảng A2 của Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017.

❖ **Quản lý độ màu mỡ và duy trì hoạt động sinh học cho vùng sản xuất:** Quản lý độ phì của đất và các hoạt động sinh học trong đất thông qua việc tái sử dụng chất hữu cơ, vi sinh vật, phân khoáng tự nhiên để đạt mức cân bằng dinh dưỡng đất bằng cách:



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 8/10

- Không sử dụng các loại phân bón hóa học tổng hợp như phân vô cơ, các loại phân bón hòa tan theo phương pháp hóa học;
- Sử dụng các loại phân khoáng tự nhiên và phân bón bằng phương pháp sinh học như phân hữu cơ hoai mục, phân vi sinh vật, phân xanh. Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ từ thực vật và động vật sản xuất theo phương pháp hữu cơ;
- Không sử dụng trực tiếp phân tươi (chất thải của người, động vật) trừ trường hợp các loại phân này được xử lý hoai mục và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- ❖ **Kiểm soát dịch hại, dịch bệnh và cỏ dại:** Quản lý dịch hại, dịch bệnh và cỏ dại nhằm thúc đẩy, duy trì sức khỏe cây trồng, đảm bảo năng suất và bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp bằng các biện pháp sau:
 - Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp đối với sâu, bệnh và cỏ dại;
 - Sử dụng loài và giống cây trồng thích nghi với môi trường, bón phân cân đối để duy trì độ phì của đất và cây trồng sinh trưởng khỏe, hạn chế sự ảnh hưởng của dịch hại;
 - Phòng trừ dịch hại bằng biện pháp sinh học như trồng cây ký chủ nuôi sinh vật có ích, trồng xen cây xua đuổi sinh vật có hại, luân canh cây trồng, sử dụng các biện pháp kỹ thuật cày xới, phủ đất bằng vật liệu tự nhiên, dùng bẫy, rào cản vật lý... Trong một số trường hợp cần thiết, có thể sử dụng các biện pháp bổ sung như điều khiển nhiệt độ, sử dụng các chất bảo vệ thực vật, chất điều hòa sinh trưởng có trong Danh mục quy định tại bảng A.2 của Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017;
 - Chỉ sử dụng chất bảo vệ thực vật hữu cơ, không sử dụng chất bảo vệ thực vật tổng hợp, đối với các chất bảo vệ thực vật tự nhiên (gừng, ớt, tỏi, ...) có thể được phép sử dụng. Sử dụng các chất bảo vệ thực vật có trong Danh mục quy định tại bảng A.2 của Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017;
 - Chất bổ sung trong các chất bảo vệ thực vật không gây hại đến sức khỏe con người và môi trường sinh thái.
- ❖ **Quản lý hoạt động thu hái:**
 - Việc thu hái sản phẩm phải đảm bảo nguyên tắc hữu cơ và được thực hiện bởi người có nhận biết rõ ràng, quen thuộc với vùng thu hái;
 - Các sản phẩm được thu hái phải đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các biện pháp kiểm tra và chứng nhận đối với sản phẩm trồng trọt hữu cơ;
 - Vùng đất thu hái sản phẩm không được xử lý với các chất nào khác với các chất đã nêu trong Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017 trong thời gian 03 năm (36 tháng) trước khi sử dụng làm thực phẩm;
 - Việc thu hái không xáo trộn sự ổn định của môi trường sống tự nhiên hoặc sự duy trì các giống trong vùng thu hái.
- ❖ **Quản lý quá trình xử lý, sơ chế, chế biến, bảo quản:**
 - Chất lượng sản phẩm phải được duy trì theo yêu cầu hữu cơ trong suốt quá trình xử lý, chế biến. Yêu cầu phải dùng các kỹ thuật phù hợp và các phương pháp chế biến cẩn thận, hạn chế tinh chế, dùng chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến.
 - Không được dùng bức xạ ion hóa các sản phẩm với mục đích kiểm soát dịch hại, bảo quản thực phẩm và loại bỏ vi sinh vật gây bệnh hoặc vệ sinh.
 - Etylen có thể được sử dụng cho quá trình làm chín quả kiwi và chuối.
 - Cần kiểm soát và quản lý dịch hại trong quá trình chế biến, trong đó:
 - + Sử dụng các phương pháp phòng ngừa, ví dụ: phá bỏ các ổ trú ngụ của dịch hại;



QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 9/10

- + Nếu các phương pháp phòng ngừa chưa đủ để kiểm soát được dịch hại, có thể sử dụng phương pháp cơ học/lý học và sinh học;
- + Nếu việc kiểm soát dịch hại bằng các phương pháp cơ học/lý học và sinh học cũng không kiểm soát được dịch hại, thì có thể cho phép dùng các thuốc bảo vệ thực vật hại được phép tại Bảng A.2 Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017 với điều kiện là chúng được chấp nhận cho dùng trong quá trình xử lý, bảo quản, vận chuyển hoặc chế biến nhưng phải ngăn ngừa tiếp xúc với các sản phẩm hữu cơ;
- Ưu tiên áp dụng biện pháp thực hành tốt trong sản xuất, đối với khu vực bảo quản hoặc các thùng vận chuyển có thể dùng các rào cản vật lý hoặc dùng các biện pháp xử lý khác như tiếng động, sóng siêu âm, ánh sáng, tia cực tím, bẫy (bẫy pheromon và các bẫy có bã, mồi nhử) nhiệt độ có kiểm soát, không khí có kiểm soát (khí cacbonic, ôxy, nito) và đất điatomit;
- Không được phép dùng các thuốc bảo vệ thực vật không được liệt kê trong Bảng A.2 Phụ lục A - TCVN 11041-2:2017 cho sản phẩm sau thu hoạch hoặc vì mục đích kiểm dịch đối với các sản phẩm được chế biến theo tiêu chuẩn này;
- Nên dùng các phương pháp chế biến cơ học, lý học hoặc sinh học (ví dụ lên men và xông khói) và giảm thiểu việc dùng các chất phi nông nghiệp và các phụ gia;
- Bao gói: Vật liệu bao gói nên chọn từ các nguồn có thể phân hủy bằng sinh học, được tái sinh hoặc có thể tái sinh.

3.4 Bao gói

- Quá trình bao gói không được gây ô nhiễm cho sản phẩm. Vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp phải đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT, QCVN 12-2:2011/BYT, QCVN 12-3:2011/BYT và QCVN 12-4:2015/BYT.
- Nên chọn vật liệu bao gói từ các nguồn có thể phân hủy bằng sinh học, được tái sinh hoặc có thể tái sinh.

3.5 Nhãn sản phẩm

- Việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định về nhãn hàng hóa theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn;
- Ngoài ra phải đáp ứng các quy định tại điều khoản 5.5 trong TCVN 11041-1:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

3.6 Sử dụng dấu chứng nhận

3.6.1 Biểu tượng chứng nhận Nông nghiệp Hữu cơ theo Bộ tiêu chuẩn TCVN 11041



XXXX-YYYY



**QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG
NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
HỮU CƠ-TRỒNG TRỌT**

Mã số: QĐCN-NNHC

Ngày: 02/07/2020

Trang: 10/10

Hoặc



**VIETNAM
CERTIFIED
ORGANIC**

XXXX-YYYY

Kết cấu của mã số chứng nhận có dạng XXXX-YYYY, trong đó:

- XXXX: số đăng ký hoạt động chứng nhận của VSCB do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- YYYY: mã số giấy chứng nhận do VSCB cấp cho khách hàng.

3.6.2 Sử dụng biểu tượng chứng nhận sản phẩm:

- Tổ chức/Công ty được sử dụng biểu tượng được chứng nhận trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, trong các văn bản giao dịch, tài liệu quảng cáo, giới thiệu về Tổ chức/Công ty, danh thiếp... nhằm thể hiện rằng sản phẩm của Tổ chức/Công ty đã được một tổ chức chứng nhận độc lập đánh giá, chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn cụ thể.
- Biểu tượng chứng nhận phải được tái tạo như hình chuẩn. Khi cần thiết có thể sử dụng biểu tượng dạng một màu đồng nhất, không được phối các màu khác với màu chuẩn. Biểu tượng có thể được phóng to hay thu nhỏ theo tỷ lệ giữ nguyên hình chuẩn và phải nhìn rõ được.
- Tổ chức/Công ty phải: Chấm dứt việc sử dụng biểu tượng được chứng nhận khi bị hủy bỏ chứng nhận hoặc chứng nhận hết hiệu lực; Không sử dụng kết quả chứng nhận làm ảnh hưởng đến uy tín của VSCB và không đưa ra bất kỳ lời tuyên bố sai lạc hoặc vô căn cứ nào liên quan tới kết quả chứng nhận; Không sử dụng chứng chỉ, báo cáo hoặc bất kỳ một nội dung nào trong đó một cách sai quy định.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

- Tổ chức/ cá nhân đăng ký chứng nhận nông nghiệp hữu cơ – trồng trọt và các chuyên gia đánh giá của VSCB thực hiện theo quy định này.
- Phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.